

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Ngành: Tài chính – Ngân hàng

Chương trình/Chuyên ngành: Ngân hàng

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1302/QĐ-ĐHNH, ngày 01/8/2018
của Hiệu trưởng trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh)*

1. Thông tin chung

- Tên chương trình: Ngân hàng
- Văn bằng: Cử nhân Tài chính – Ngân hàng
- Khoa quản lý chương trình đào tạo: Ngân hàng
- Trường/Đơn vị cấp bằng: Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh

2. Mục tiêu chung của chương trình đào tạo

Sinh viên tốt nghiệp Ngành Tài chính - Ngân hàng, chuyên ngành Ngân hàng nắm vững kiến thức nền tảng, hiện đại về kinh tế, tài chính ngân hàng nói chung, kiến thức chuyên sâu về chuyên ngành ngân hàng nói riêng, có phẩm chất tốt, có năng lực nghiên cứu và ứng dụng một cách hiệu quả trong bối cảnh hội nhập quốc tế.

3. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Mục tiêu cụ thể (CDR)	Nội dung Chuẩn đầu ra
1	Khả năng vận dụng kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên và khoa học xã hội trong lĩnh vực kinh tế
2	Khả năng vận dụng kiến thức nền tảng và chuyên sâu một cách có hệ thống trong lĩnh vực tài chính ngân hàng
3	Khả năng vận dụng kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp để nhận diện và kiểm soát rủi ro trong hoạt động của ngân hàng/tổ chức tín dụng
4	Khả năng vận dụng kiến thức nghề nghiệp để nhận diện, phân tích và giải quyết các vấn đề chuyên môn trong lĩnh vực ngân hàng
5	Khả năng phản biện, xây dựng, phát triển cơ chế chính sách mới trong lĩnh vực ngân hàng
6	Có khả năng tư duy phản biện
7	Có khả năng tổ chức và làm việc nhóm

8	Có khả năng giao tiếp (bằng văn bản và lời nói) hiệu quả trong môi trường và hoàn cảnh khác nhau
9	Khả năng vận dụng kỹ năng nghề nghiệp trong lĩnh vực ngân hàng
10	Thể hiện tính chủ động, tích cực và khả năng quản lý các nguồn lực cá nhân
11	Thể hiện ý thức tuân thủ các quy tắc, chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp
12	Có khả năng nhận biết và thích ứng với những thay đổi trong bối cảnh xã hội và môi trường nghề nghiệp

4. Vị trí việc làm sau tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp, sinh viên chuyên ngành ngân hàng có thể lựa chọn một trong các nhóm công việc sau:

- Nhóm công việc có định hướng kinh doanh tại các bộ phận chuyên môn trong ngân hàng thương mại, tổ chức tài chính tín dụng trong và ngoài nước, cụ thể đảm nhiệm các vị trí chuyên viên kinh doanh tín dụng, nguồn vốn, đầu tư, thanh toán quốc tế, kinh doanh ngoại hối, phân tích tài chính...
- Nhóm công việc có định hướng quản lý tại các cơ quan quản lý nhà nước như ngân hàng trung ương, cơ quan chính phủ, tổ chức phi chính phủ với các vị trí thanh tra, giám sát, phân tích, hoạch định chính sách quản lý vĩ mô trong lĩnh vực ngân hàng.
- Nhóm công việc có định hướng nghiên cứu tại các trường đại học, viện nghiên cứu với các vị trí giảng viên, chuyên viên nghiên cứu.

5. Khối lượng kiến thức toàn khóa

Tổng số tín chỉ của Chương trình đào tạo là 129 đơn vị tín chỉ, không bao gồm các học phần Giáo dục thể chất (5 đơn vị tín chỉ) và Giáo dục quốc phòng (8 đơn vị tín chỉ).

6. Thời gian đào tạo

Thiết kế thời gian tổ chức đào tạo là 04 năm với 08 học kỳ chính và 03 học kỳ hè. Trong các học kỳ chính, 07 học kỳ đầu sinh viên chủ yếu được học tập trên giảng đường, học kỳ cuối là học kỳ thực tập cuối khóa và thực hiện khóa luận tốt nghiệp hoặc học các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp có số tín chỉ tương đương.

Sinh viên có thể đăng ký học lại, học cải thiện, học vượt trong các học kỳ chính và học kỳ hè. Học kỳ hè được tổ chức đào tạo theo nhu cầu của sinh viên.

Sinh viên có thể học vượt để hoàn thành chương trình trước 01 năm rưỡi so với thời gian đào tạo chuẩn 04 năm thiết kế. Thời gian học tập kéo dài thêm so với thời gian đào tạo chuẩn không quá 02 năm.

7. Chương trình đào tạo tham khảo đối sánh

Chương trình đào tạo ngành Tài chính ngân hàng, chuyên ngành ngân hàng của Trường Đại học Kinh tế - Luật; Ban hành áp dụng từ năm 2015;

Chương trình đào tạo Ngành Tài chính ngân hàng của Học viện Ngân hàng Hà nội; Ban hành áp dụng từ năm 2015

Chương trình đào tạo Ngành Tài chính ngân hàng, chuyên ngành Ngân hàng của trường Đại học Kinh tế Tp Hồ Chí Minh Ban hành áp dụng năm 2015.

8. Kết cấu chương trình đào tạo

STT	Khối kiến thức	Số học phần	Số tín chỉ	Tỷ lệ (%)
1	Giáo dục đại cương	11	25	19.4%
2	Cơ sở ngành	18	51	39.5%
3	Ngành và chuyên ngành	18	53	41.1%
	Tổng cộng	47	129	100.0%

9. Chương trình đào tạo

STT	TÊN MÔN HỌC	SỐ TÍN CHỈ
1.1	KHỐI KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG	23
	<i>Học phần bắt buộc</i>	10
1.1.1	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin 1	2
1.1.2	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin 2	3
1.1.3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2
1.1.4	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng Sản Việt Nam	3
1.1.5	Toán cao cấp 1	2
1.1.6	Toán cao cấp 2	2
1.1.7	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3
1.1.8	Mô hình toán kinh tế	2
1.1.9	Lý luận về nhà nước và pháp luật	2
	<i>Học phần tự chọn</i> (Sinh viên chọn một trong ba học phần sau)	2
1.1.10	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2
1.1.11	Tâm lý học	2
1.1.12	Logic học	2
1.2	KHỐI KIẾN THỨC CƠ SỞ NGÀNH	
	<i>Học phần bắt buộc</i>	32

1.2.1	Kinh tế học vi mô	3
1.2.2	Kinh tế học vĩ mô	3
1.2.3	Nguyên lý kế toán	3
1.2.4	Kinh tế học quốc tế	3
1.2.5	Luật kinh doanh	3
1.2.6	Quản trị học	2
1.2.7	Nguyên lý Marketing	2
1.2.8	Tin học ứng dụng	3
1.2.9	Kinh tế lượng	3
1.2.10	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2
1.2.11	Giới thiệu ngành Ngân hàng	2
1.2.12	Lý thuyết tài chính – tiền tệ	3
1.2.13	Thị trường tài chính và các định chế tài chính	3
1.2.14	Tài chính doanh nghiệp	3
1.2.15	Kế toán tài chính 1	3
1.2.16	Tài chính công ty đa quốc gia	3
1.2.17	Tiếng Anh chuyên ngành 1	3
1.2.18	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính – Ngân hàng	3
	Học phần tự chọn (Sinh viên chọn một trong 3 học phần sau)	3
1.2.19	Lịch sử các học thuyết kinh tế	3
1.2.20	Kinh tế học phát triển	3
1.2.21	Kinh tế học công cộng	3
1.3	KHỐI KIẾN THỨC NGÀNH/ CHUYÊN NGÀNH	53
	Kiến thức ngành	26
	Học phần bắt buộc	
1.3.1	Hoạt động kinh doanh ngân hàng	3
1.3.2	Phân tích tài chính doanh nghiệp	3
1.3.3	Thuế	3

1.3.4	Marketing dịch vụ tài chính	3
1.3.5	Thẩm định dự án đầu tư	3
1.3.6	Xếp hạng tín nhiệm	3
1.3.7	Kinh tế lượng ứng dụng	2
	Học phần tự chọn (chọn 2 học phần trong số các mảng kiến thức sau)	6
	Mảng kiến thức tài chính	
1.3.8	Đầu tư tài chính	3
1.3.9	Tài chính phái sinh	3
1.3.10	Tài chính hành vi	3
1.3.11	Quản lý danh mục đầu tư	3
1.3.12	Bảo hiểm	3
	Mảng kiến thức về kế toán – kiểm toán	
1.3.13	Kiểm toán căn bản	3
1.3.14	Kiểm toán ngân hàng	3
	Mảng kiến thức về quản trị kinh doanh	
1.3.15	Đạo đức kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp	3
1.3.16	Khởi nghiệp kinh doanh	3
	Mảng kiến thức về kinh doanh quốc tế	
1.3.17	Tài chính quốc tế	3
1.3.18	Kinh doanh quốc tế	3
	Mảng kiến thức về hệ thống thông tin quản lý	
1.3.19	Hệ thống thông tin quản lý	3
1.3.20	Core banking và ngân hàng điện tử	3
	Kiến thức chuyên ngành (bắt buộc)	27
1.3.21	Thanh toán quốc tế	3
1.3.22	Tín dụng ngân hàng	3
1.3.23	Kế toán ngân hàng	3
1.3.24	Kinh doanh ngoại hối	3

1.3.25	Quản trị ngân hàng thương mại	3
1.3.26	Thực tập cuối khóa	3
	Tự chọn kiến thức chuyên ngành	
1.3.27	Học phần khóa luận tốt nghiệp	9
	Các môn học thay thế khóa luận tốt nghiệp	9
1.3.28	Quản trị rủi ro ngân hàng	3
1.3.29	Tài trợ dự án	3
1.3.30	Thẩm định giá tài sản	3

11. Đánh giá

Áp dụng theo thang điểm 10, điểm chữ và thang điểm hệ 4 được quy đổi từ thang điểm 10 chỉ sử dụng mang tính tham khảo, đối chiếu.

12. Đối tượng tuyển sinh

Tuyển sinh trên toàn quốc;

Đối tượng tuyển sinh phải có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương theo quy định của Bộ Giáo dục & Đào tạo.

TL. HIỆU TRƯỞNG
TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO